

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Bê tông hóa đường Tổ 4 đi Tổ 7 ấp Long Thạnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;
Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;
Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;
Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
Căn cứ Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Bến Cầu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Bê tông hóa đường Tổ 4 đi Tổ 7 ấp Long Thạnh;
Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính-Kế hoạch tại Báo cáo số 235/BC-TCKH ngày 20 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.**
- Tên công trình: Bê tông hóa đường Tổ 4 đi Tổ 7 ấp Long Thạnh
 - Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.
 - Đơn vị thi công: Công ty TNHH XDCT Thuận Hòa.
 - Địa điểm xây dựng: xã Long Chử-huyện Bến Cầu.
 - Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): 24/10/2022– 28/02/2023.
- Điều 2. Kết quả đầu tư:**
- 1. Chi phí đầu tư:**

Đơn vị tính: đồng

Số T T	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán công trình được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		1.270.736.000	1.089.349.000
1	Xây lắp	997.257.739	975.234.000
2	Chi phí bồi thường TĐC	75.000.000	
2	Quản lý dự án	25.513.177	25.513.000
3	Tư vấn	83.637.083	79.915.000
4	Chi phí khác	22.891.704	8.687.000
5	Dự phòng	66.436.428	

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số T T	Nguồn vốn	TMĐT của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6 = 4-5	7 = 5-4
	Tổng số	1.270.736.000	1.089.349.000	1.083.062.000	6.287.000	
1	Vốn đầu tư công	1.270.736.000	1.089.349.000	1.083.062.000	6.287.000	
1.1	Vốn ngân sách nhà nước (Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ mục tiêu xây dựng NTM nâng cao+ NS huyện)	1.270.736.000	1.089.349.000	1.083.062.000	6.287.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ					

	quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.				
2	Vốn khác (nếu có)				

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý (nếu có)		Giao cho đơn vị khác quản lý (nếu có)	
		Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi (nếu có)
Tổng số			-	1.089.349.000	-
1	Tài sản dài hạn (TSCĐ)		-	1.089.349.000	-
2	Tài sản ngắn hạn	-	-		-

- Số tiền bằng chữ: (Một tỷ không trăm tám mươi chín triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn đồng)

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

5. Vật tư thiết bị tổn động (nếu có): Không có.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	1.089.349.000	
1	Vốn đầu tư công	1.089.349.000	
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	1.089.349.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật		
2	Vốn khác (nếu có)		

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 29/3/2023: 10.352.000 đồng. Trong đó:

- Tổng nợ phải thu: đồng

- Tổng nợ phải trả: **6.287.000 đồng**

(Chi tiết như phụ biểu đính kèm)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: đồng

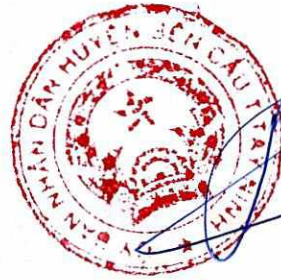
ST T	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn
1	UBND xã Long Chử	1.089.349.000	-

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; Chủ tịch UBND xã Long Chử và Thủ trưởng các ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./. *Zh*

Nơi nhận: *u/*

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH



Phan Văn Hòa

PHỤ LỤC CHI TIẾT CÁC KHOẢN CÔNG NỢ

Công trình: Bê tông hóa đường Tô 4 đi Tô 7 ấp Long Thạnh

(Kèm theo Quyết định số 055/QĐ-UBND ngày 21/10/2013 của UBND huyện Bến Cầu)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khóa sổ, lập báo cáo quyết toán	
					Phải trả	Phải thu
1	Công ty TNHH XD TM CN Thuận An	Khảo sát lập BCKTKT	51.901.000	51.901.000	-	
2	Công ty TNHH Toàn Lợi TN	Thẩm tra dự toán	4.320.000	4.320.000	-	
3	Ban QLDA ĐTXD	Giám sát xây lắp	23.694.000	23.694.000	-	
4	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nam	Bảo hiểm	2.400.000	2.400.000	-	
5	Công ty TNHH XDCT Thuận Hòa	Xây lắp	975.234.000	975.234.000	-	
6	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Thẩm định BCKTKT	113.000		113.000	
7	Ban QLDA ĐTXD	Chi phí quản lý dự án	25.513.000	25.513.000	-	
8	Phòng Tài chính-Kế hoạch	Thẩm định quyết toán	6.174.000		6.174.000	
Tổng cộng			1.089.349.000	1.083.062.000	6.287.000	-

